

Số: 07/2023/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc nhập khẩu hàng hóa phục vụ hoạt động in, đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc nhập khẩu hàng hóa phục vụ hoạt động in, đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Thông tư số 38/2018/TT-NHNN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-NHNN

Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Nhập khẩu hàng hóa

1. Trên cơ sở văn bản chỉ định và cho phép cơ sở in, đúc tiền được nhập khẩu hàng hóa phục vụ hoạt động in, đúc tiền quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này, cơ sở in, đúc tiền thực hiện việc nhập khẩu hàng hóa phục vụ hoạt động in, đúc tiền quy định tại Phụ lục Danh mục hàng hóa chỉ định cơ sở in, đúc tiền nhập khẩu phục vụ hoạt động in, đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư này như sau:

a) Đối với hàng hóa thuộc mục có số thứ tự 1, 2, 3, 5: Cơ sở in, đúc tiền căn cứ hợp đồng in, đúc tiền giữa cơ sở in, đúc tiền với Ngân hàng Nhà nước để thực hiện việc nhập khẩu hàng hóa;

b) Đối với hàng hóa thuộc mục có số thứ tự 4, 6, 7: Cơ sở in, đúc tiền căn cứ văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 07/2020/TT-NHNN ngày 30/6/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc đầu tư, mua sắm hàng hóa phục vụ hoạt động in, đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để thực hiện việc nhập khẩu hàng hóa.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ có văn bản xác nhận việc cơ sở in, đúc tiền nhập khẩu hàng hóa phục vụ hoạt động in, đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước theo hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc các hình thức văn bản khác giữa cơ sở in, đúc tiền và đơn vị cung cấp hàng hóa.

3. Khi làm thủ tục nhập khẩu, cơ sở in, đúc tiền gửi Cơ quan hải quan 01 bản chính văn bản xác nhận của Ngân hàng Nhà nước kèm hồ sơ hải quan theo quy định pháp luật.”

Điều 2. Thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-NHNN bằng Phụ lục Danh mục hàng hóa chỉ định cơ sở in, đúc tiền nhập khẩu phục vụ hoạt động in, đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng; Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, cơ sở in, đúc tiền chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

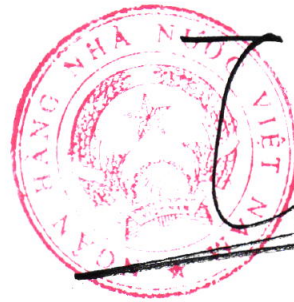
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 8 năm 2023.

2. Thay thế cụm từ “Mã số theo biểu thuế nhập khẩu” thành “Mã số theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (sau đây gọi là Mã số HS)” quy định tại Danh mục máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bộ phận, phụ tùng nhập khẩu phục vụ hoạt động in, đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-NHNN ngày 07/02/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Danh mục máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bộ phận, phụ tùng nhập khẩu phục vụ hoạt động in, đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Lưu: VP, PHKQ (02b).

THỐNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



Đào Minh Tú

PHỤ LỤC
Danh mục hàng hóa chỉ định cơ sở in, đúc tiền nhập khẩu phục vụ hoạt động in, đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2023/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

| STT | TÊN HÀNG HÓA | MÃ SỐ HS | | | |
|----------|---|----------|------|-----------|----|
| | | Chương | Nhóm | Phân nhóm | |
| 1 | Phôi kim loại sử dụng để đúc, dập tiền kim loại | | | | |
| 1.1 | Bằng thép hợp kim | 72 | 24 | 90 | 00 |
| 1.2 | Bằng thép không gỉ | 72 | 18 | 99 | 00 |
| 1.3 | Bằng sắt, thép không hợp kim | 72 | 06 | 90 | 00 |
| 2 | Giấy in tiền | | | | |
| 2.1 | Giấy in tiền cotton | | | | |
| 2.1.1 | Ở dạng tờ hình chữ nhật (kể cả hình vuông) không có chiều nào trên 36 cm ở dạng không gấp | 48 | 02 | 69 | 11 |
| 2.1.2 | Loại khác | 48 | 02 | 69 | 19 |
| 2.2 | Giấy in tiền polymer | | | | |
| 2.2.1 | Từ các polymer trùng hợp | | | | |
| 2.2.1.1 | Dạng tấm và phiến | 39 | 20 | 99 | 21 |
| 2.2.1.2 | Loại khác | 39 | 20 | 99 | 29 |
| 2.2.2 | Từ các polymer trùng ngưng hoặc tái sắp xếp | | | | |
| 2.2.2.1 | Dạng tấm và phiến | 39 | 20 | 99 | 31 |
| 2.2.2.2 | Loại khác | 39 | 20 | 99 | 39 |
| 2.2.3 | Loại khác | 39 | 20 | 99 | 90 |
| 3 | Mực in tiền | | | | |
| 3.1 | Mực in tiền màu đen được làm khô bằng tia cực tím | 32 | 15 | 11 | 10 |
| 3.2 | Mực in tiền màu đen loại khác | 32 | 15 | 11 | 90 |
| 3.3 | Mực in tiền màu khác | 32 | 15 | 19 | 90 |
| 4 | Máy ép foil chống giả | 84 | 20 | 10 | 90 |

| | | | | | |
|-------|---|----|----|----|----|
| 5 | Foil chống giả để sử dụng cho tiền, ngân phiếu thanh toán và các loại ấn chỉ, giấy tờ có giá khác thuộc ngành Ngân hàng phát hành và quản lý | 49 | 11 | 99 | 90 |
| 6 | Máy in tiền | | | | |
| 6.1 | Máy phủ Varnish | | | | |
| 6.1.1 | Máy in phủ Varnish theo công nghệ in Flexo Có thể in được mực không màu phát quang UV (Loại in tờ rời) | 84 | 43 | 16 | 00 |
| 6.1.2 | Máy in phủ Varnish theo công nghệ in Offset Có thể in được mực không màu phát quang UV (Loại in tờ rời, có kích thước tờ in tối đa ở dạng không gấp một chiều trên 22cm và chiều kia trên 36cm) | 84 | 43 | 13 | 00 |
| 6.1.3 | Máy in phủ Varnish kết hợp cả công nghệ Flexo và Offset Có thể in được mực không màu phát quang UV (Loại in tờ rời, có kích thước tờ in tối đa ở dạng không gấp một chiều trên 22cm và chiều kia trên 36cm) | 84 | 43 | 16 | 00 |
| 6.2 | Máy in số (Máy in theo công nghệ in Typo, sử dụng khuôn in dạng hộp số nhảy) | 84 | 43 | 19 | 00 |
| 6.3 | Máy in lõm (Máy in sử dụng công nghệ in lõm (in Intaglio)) | 84 | 43 | 19 | 00 |
| 6.4 | Máy in Offset (Máy in sử dụng công nghệ in offset, loại in tờ rời, có kích thước tờ in tối đa ở dạng không gấp một chiều trên 22cm và chiều kia trên 36cm) | 84 | 43 | 13 | 00 |
| 6.5 | Máy in lưới (Máy sử dụng khuôn lưới dạng ống tròn, loại in tờ rời) | 84 | 43 | 19 | 00 |
| 7 | Máy đúc, dập tiền kim loại | | | | |
| 7.1 | Máy đúc tiền kim loại theo công nghệ làm nóng chảy kim loại thành dạng lỏng | 84 | 54 | 30 | 00 |
| 7.2 | Máy dập tiền kim loại (Thiết bị tạo hình sản phẩm tiền kim loại từ dải phôi kim loại được đột dập thành phôi tiền xu (xu trống), sau đó xu trống được gia công và dập ở trạng thái nguội dưới tác dụng của áp lực tạo hình ảnh trên tiền xu theo khuôn mẫu thiết kế) | 84 | 62 | 49 | 00 |